

UBND TỈNH CAO BẰNG  
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /TB-LMHTX  
V/v Mời Hợp tác xã tham gia  
thực hiện kế hoạch/dự án hỗ trợ phát  
triển sản xuất theo chuỗi giá trị

Cao Bằng, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Các HTX trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Để triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Năm 2023 Liên minh hợp tác xã tỉnh Cao Bằng được giao kế hoạch vốn: 1.182 triệu đồng theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Liên minh hợp tác xã tỉnh đề nghị các Hợp tác xã nghiên cứu về quy định điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ Quy định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng; Hướng dẫn số 2436/HD-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng (Đăng trên trang thông tin điện tử của Liên minh hợp tác xã tỉnh Cao Bằng).

Hợp tác xã có kế hoạch/dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gửi hồ sơ qua đường công văn hoặc nộp trực tiếp về Liên minh hợp tác xã tỉnh Cao Bằng **trước ngày 03/3/2023**; địa chỉ khu đô thị Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Nội dung văn bản ghi đầy đủ: Tên Hợp tác xã, Họ tên Giám đốc; Số điện thoại liên hệ; kế hoạch/dự án dự kiến tham gia liên kết.

Hồ sơ gửi kèm bao gồm: Giấy chứng nhận thành lập HTX, Báo cáo tài chính (nếu có) kế hoạch/dự án (nếu có).

Mọi chi tiết xin liên hệ phòng Tư vấn hỗ trợ HTX & DNN - Liên minh HTX tỉnh Cao Bằng; số điện thoại: 0912764837 (đ/c Hoàng Thị Lan)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực LMHTX (BC);
- Trang thông tin điện tử LMHTX;
- Lưu: VT.

TM. LIÊN MINH HTX TỈNH

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Độ



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 30 tháng 8 năm 2022

### **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 2186/TTr-UBND, ngày 21 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (có Quy định kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ 9 (*chuyên đề*) thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 9 năm 2022. /*gh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



*le. Đình Lê*

**Triệu Đình Lê**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số: 62/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

1. Trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

2. Trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

d) Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các xóm, xã, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Thực hiện theo khoản 1, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

a) Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

b) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

c) Các dự án, liên kết hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó, ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, kế hoạch có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

#### **2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e) Xây dựng, quản lý dự án.

g) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện thêm các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

h) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện thêm các nội dung hỗ trợ khác được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và điểm a khoản 5 Điều 12 Tiểu mục 3.2 Mục 3 Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

i) Đối với Tiêu dự án 1 (*Dự án 3*) hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 nội dung hỗ trợ thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT, ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

k) Các nội dung hỗ trợ khác được quy định tại Thông tư hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

### 3. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 2.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh phê duyệt.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện phê duyệt.

d) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

## **Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

### 1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Thực hiện theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

a) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

d) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân phối ứng thực hiện dự án.

## 2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, e, i, k khoản 2 Điều 3 Quy định này, ngoài ra được hỗ trợ thêm các nội dung sau:

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

c) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

## 3. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Hỗ trợ đối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

## **Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

### 1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Thực hiện theo khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

a) Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Điều 4 nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

b) Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

### 2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Quy định này.

### 3. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ



a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

**Điều 6. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành hướng dẫn thực hiện.

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**  
Số: 2436 /HD-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Cao Bằng, ngày 22 tháng 9 năm 2022

## **HƯỚNG DẪN**

**Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Thực hiện Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh hướng dẫn về mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

### **I. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **1. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ trì liên kết (Mẫu số 01).
- b) Dự án liên kết (Mẫu số 02) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 03).
- c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (Mẫu số 04) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.
- d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (Mẫu số 05).
- e) Bản sao công chứng hợp đồng liên kết.

#### **2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết**

##### **a) Bước 1: Xây dựng dự án, kế hoạch liên kết**

Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có).

##### **b) Bước 2: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết**

- Đối với dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 02 huyện, thành phố trở lên: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Đối với dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 huyện, thành phố: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới UBND cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch để UBND cấp huyện trình Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố thẩm định sơ bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết và tham mưu cho UBND cấp huyện ban hành Tờ trình gửi Sở Nông nghiệp và PTNT.

- UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết. Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp huyện nơi có Dự án, Kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các quy định hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại Điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

#### c) Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện trên địa bàn 02 huyện, thành phố trở lên. Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế thành phố trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện trên địa bàn 01 huyện, thành phố.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

#### d) Bước 4: Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao vốn tổ chức thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Thông báo nội dung của dự án, kế hoạch liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch.

- Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và một năm (trước ngày 10 tháng 12), tổng kết dự án, kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Mẫu số 06).

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án, kế hoạch; kịp thời kiến nghị Sở nông nghiệp và PTNT các nội dung vướng mắc liên quan.

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **II. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

### **1. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Thực hiện theo quy định về mẫu đề cương xây dựng dự án và báo cáo kết quả thực hiện dự án giảm nghèo ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Hồ sơ gồm có:

- Đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 07).
- Đề cương báo cáo kết quả thực hiện (Mẫu số 06).
- Đề cương biên bản họp xóm (Mẫu số 08).

### **2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

a) Bước 1: UBND cấp huyện tổ chức phổ biến về dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cho cấp xã

Trên cơ sở nguồn vốn dự kiến phân bổ cho cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hướng dẫn UBND cấp xã phổ biến về nguồn vốn dự kiến được giao; đối tượng thụ hưởng; điều kiện hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ; cách thực tiến hành thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đến người dân sinh sống trên địa bàn xã.

b) Bước 2: UBND cấp xã phổ biến cho trưởng thôn, xóm, tổ dân phố (sau đây viết tắt là trưởng xóm) về dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

c) Bước 3: Trưởng xóm tổ chức họp xóm để phổ biến về dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; đồng thời lấy ý kiến về nội dung dự án, lập danh sách các đối tượng tham gia theo từng nội dung dự án.

d) Bước 3: Thành lập tổ cộng đồng

- Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho UBND cấp xã.

- UBND cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn UBND huyện giao cho UBND cấp xã); rà soát, tổng hợp các đối tượng có chung mục tiêu, nội dung thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện) gửi UBND cấp huyện (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; thông qua Phòng Nông nghiệp và PTNT

huyện/Phòng Kinh tế thành phố đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp).

- UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì rà soát, tổng hợp các đối tượng có chung mục tiêu, nội dung thực hiện dự án, trình UBND cấp huyện quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện).

đ) Bước 4: Xây dựng dự án

Tổ cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp xóm, quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án (bản phô tô); kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ cộng đồng; dự kiến kết quả thực hiện dự án; nội dung đề nghị hỗ trợ.

đ) Thẩm định dự án

- Tổ cộng đồng gửi hồ sơ đề xuất dự án đến UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án (nếu dự án triển khai trên địa bàn nhiều xã thì gửi hồ sơ đến UBND xã theo thứ tự ưu tiên có diện tích đất thực hiện dự án nhiều nhất, có số lượng người tham gia nhiều nhất) để trình UBND huyện thẩm định (Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp gửi Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế thành phố).

- UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo UBND cấp huyện; thành viên là lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

e) Bước 5: Phê duyệt dự án

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất thực hiện trên địa bàn từ 2 xã trở lên; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất thực hiện trên địa bàn 01 xã.

- Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải bao gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các thành viên tham gia), dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp, chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g) Bước 6: Tổ chức thực hiện

- UBND cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

- Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng (trước ngày 05 tháng 6), hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) và tổng kết, gửi UBND cấp xã đề tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện (theo Mẫu số 06).

- UBND cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư; hướng dẫn, giám sát, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **III. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

#### **1. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hồ sơ gồm có:

- Đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (Mẫu số 09).

- Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 10).

- Biên bản nghiệm thu đặt hàng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 11).

- Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 12).

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 13).

#### **2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

##### **a) Bước 1: Xây dựng, phê duyệt dự án**

Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án (Mẫu số 02), trình thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

## b) Bước 2: Tổ chức thực hiện

- Cơ quan, đơn vị nhận đặt hàng hoặc được giao nhiệm vụ phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức thực hiện dự án.

- Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các đối tượng tham gia dự án.

- Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết với cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án (Mẫu số 03).

- UBND cấp huyện theo dõi, kịp thời kiến nghị cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án về các nội dung vướng mắc liên quan.

## c) Quy trình, thủ tục

Quy trình, thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

**3. Lựa chọn đơn vị đặt hàng**

Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là Hướng dẫn mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các CV NCTH;
- Lưu: VT, KT (Kh)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Thảo**